

ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI

VÕ THỊ THÚY*

Ngày nhận bài: 18/06/2016; ngày sửa chữa: 19/06/2016; ngày duyệt đăng: 20/06/2016.

Abstract: The innovation of general educational curriculum is a key task of fundamental and comprehensive education reform in Vietnam today. Changes in goals, contents, methods of teaching and assessing set new requirements for university teachers. The article mentions some solutions to improve quality of pedagogical training at university meeting requirements of new general education curriculum and affirm feasibility of this curriculum.

Keywords: Pedagogical training, new general education curriculum.

Việc thực hiện *Nghị quyết số 29-NQ/TW* về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cùng với việc xây dựng *Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) mới* đã xác định vấn đề con người là yếu tố trọng tâm trong đổi mới giáo dục mà cụ thể là đội ngũ nhà giáo. Việc đào tạo đội ngũ nhà giáo có chất lượng đáp ứng yêu cầu của đề án đổi mới căn bản xuất phát từ yêu cầu chung của giáo dục, yêu cầu của CTGDPT mới và từ chính đặc điểm của đội ngũ này trong thực tiễn.

1. CTGDPT mới đặt ra những yêu cầu mới đối với đội ngũ giáo viên (GV)

1.1. Đặc điểm của CTGDPT mới. CTGDPT mới được dự kiến sẽ đưa vào áp dụng bắt đầu từ năm 2018 được thể hiện với những điểm cơ bản sau:

- *Về mục tiêu chung:* tập trung phát triển năng lực, phát huy tiềm năng vốn có của mỗi cá nhân, phát triển cả con người xã hội và con người cá nhân.

- *Về nội dung, chương trình:* sẽ phân làm hai giai đoạn và mỗi giai đoạn được xác định mục tiêu cụ thể tương ứng. *Một là* giáo dục phổ thông (từ lớp 1 đến lớp 9), trong giai đoạn giáo dục phổ thông, học sinh (HS) phải được trang bị kiến thức nền tảng, hình thành cơ bản phương pháp tự học, hình thành nhân cách người công dân cho HS để học xong trung học cơ sở có thể chọn học tiếp trung học phổ thông hay vừa học vừa làm hay học nghề. *Hai là* giáo dục định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10 - lớp 12). Giai đoạn này, tập trung vào dạy học phân hóa, sẽ có các môn tự chọn, các chuyên đề học tập, cung cấp kiến thức nâng cao, cung cấp kiến thức nhóm ngành nghề xã hội để HS tự biết khả năng và lựa chọn phát triển tiếp. Nhìn chung, chương trình mới được thiết kế theo hướng tích hợp cao của các nước ở các lớp học dưới và phân hóa tự chọn cao ở các lớp trên.

- *Về tính chất, chương trình:* vừa mang tính tích hợp vừa phân hóa. Các môn học tích hợp nhiều hơn

và được sắp xếp lại nên sẽ giảm số môn, kiến thức liên quan sắp gần nhau, không trùng lặp. Nhiều chuyên đề, môn tự chọn, HS phổ thông được lựa chọn phù hợp với bản thân. Chương trình được thiết kế mở nhằm đáp ứng cao nguyện vọng của mọi HS trong khả năng nhà trường.

- *Về hình thức tổ chức, chương trình:* mới thực hiện hình thức giáo dục trên lớp đồng thời coi trọng hoạt động xã hội trải nghiệm, nghiên cứu khoa học của HS một cách phù hợp nhằm tạo điều kiện cho HS hoạt động thật trong đời sống xã hội để rèn luyện kỹ năng sống, rèn luyện đạo đức, niềm tin, lí tưởng,...

- *Về phương pháp dạy, kiểm tra, đánh giá* cũng thay đổi theo. Áp dụng các phương pháp kĩ thuật tích cực, GV và HS tập trung trao đổi, định hướng, cố vấn và thực hành, vận dụng. Việc đánh giá không chỉ căn cứ vào bài kiểm tra mà còn qua dự án, sản phẩm của hoạt động, qua quan sát thái độ, cách thức hành xử của HS.

Tóm lại, CTGDPT mới được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực với nhiều điểm mới khác với chương trình theo hướng tiếp cận nội dung trước đây. Nội dung giảm tính hàn lâm, tăng thực hành, trải nghiệm, coi trọng việc hình thành thái độ sống, kĩ năng sống. Chương trình được xây dựng mang tính tích hợp và phân hóa cao. Chính những yếu tố thay đổi này đã đặt ra những đòi hỏi mới cho đội ngũ GV thực hiện.

1.2. Một số vấn đề đặt ra đối với GV khi dạy chương trình mới:

1.2.1. GV phải thay đổi thói quen, kinh nghiệm dạy học. Chương trình mới được thiết kế theo định hướng tiếp cận năng lực, trong khi đó, GV được đào tạo theo hướng tiếp cận nội dung và quen với việc dạy theo hướng này cho HS từ trước đến nay - tức là chủ yếu tập trung trang bị tri thức chuyên sâu, tổ

* Trường Đại học Quy Nhơn

chức dạy học trên lớp là chủ yếu, chưa tập trung rèn luyện năng lực, thái độ sống cho HS nên việc đổi mới khiến họ lúng túng thậm chí ngại thay đổi. Mặt khác, GV hiện nay vốn được đào tạo chuyên sâu ở các trường đại học, không được trang bị kiến thức liên môn để dạy tích hợp, không gắn với yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay, do đó chuyển sang dạy tích hợp là vấn đề vô cùng khó khăn với đa số GV, một đội ngũ lớn GV chưa thể đáp ứng ngay được. Vấn đề đặt ra với họ là thay đổi cách tiếp cận, thay đổi thói quen, kinh nghiệm dạy học, nỗ lực thực sự để thích ứng với yêu cầu.

1.2.2. Thay đổi vị trí, vai trò người GV. Yêu cầu về vị trí người dạy, người học cũng sẽ thay đổi theo sự thay đổi trong chương trình giáo dục mới. GV sẽ không còn là người truyền thụ kiến thức mà sẽ là người tổ chức, cố vấn, hướng dẫn cho HS, HS không chỉ thụ động tiếp nhận kiến thức mà biến kiến thức thành năng lực, thành thái độ thông qua hoạt động thực hành, vận dụng, trải nghiệm. Điều này đòi hỏi GV phải có những năng lực đặc thù để đảm nhận vị trí, vai trò mới như: Năng lực định hướng, giao tiếp, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, năng lực cố vấn, dẫn dắt,... GV không còn ở vị trí trung tâm trong hoạt động dạy học của mình.

1.2.3. Đòi hỏi GV có sự nỗ lực lớn và là người tiên phong trong thực hiện. Với chương trình mới, việc hình thành năng lực cho HS nằm ở tất cả các khâu từ nội dung dạy học đến phương pháp, đánh giá, tổ chức hoạt động. Do đó, việc tổ chức dạy học sẽ phức tạp hơn trước rất nhiều. Chương trình giáo dục chung sẽ được đưa vào áp dụng, tuy nhiên việc tổ chức thực hiện phải linh hoạt theo đối tượng, điều đó lại càng đòi hỏi cao hơn khi mục tiêu hướng tới là phẩm chất, năng lực. Để đạt điều này đòi hỏi GV phải có sự nỗ lực, kiên trì và linh hoạt cao bởi hình thành phẩm chất, năng lực là vấn đề mang tính cá biệt cao, đòi hỏi cả sự đầu tư về mặt thời gian, công sức. Mặt khác, để phát triển được năng lực, tổ chức được hoạt động sáng tạo đòi hỏi GV phải trang bị cho mình vốn hiểu biết rộng, đủ để trao đổi, định hướng cho HS. Bên cạnh đó, thực tế cho thấy chương trình được xây dựng mới nhưng những yếu tố khác chưa thể thay đổi đồng bộ trong một thời gian ngắn, do đó bước đầu của việc áp dụng là rất khó khăn, như: vấn đề cơ sở vật chất, cơ chế quản lý, kinh nghiệm thực hiện, số lượng người học,... Tất cả những yếu tố này buộc GV phải rèn luyện và nâng cao cho mình những *năng lực đặc thù*, GV phải là người đi đầu trong đổi mới, tích cực tự học, tự rèn luyện bản thân. Cụ thể là các năng lực: dạy học và giáo dục, đánh giá, sáng tạo và đổi mới, nghiên cứu, phát triển chương

trình, giao tiếp; thích ứng môi trường; học tập suốt đời, văn hóa - xã hội, cảm xúc, truyền thông, công nghệ thông tin, phát triển nghề...

Như vậy, việc đổi mới CTGDPT đã đặt ra những yêu cầu thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của GV. Vấn đề thay đổi này được quan tâm bởi đội ngũ GV hiện tại và cả đội ngũ GV trong tương lai đang học ở các trường sư phạm.

2. Một số định hướng trong đào tạo GV ở trường đại học

2.1. Sàng lọc đầu vào trong tuyển sinh ngành sư phạm. Chất lượng của đầu vào trong giáo dục có tác động to lớn đến chất lượng và hiệu quả trong quá trình đào tạo. Trong khi đó, đào tạo sư phạm hiện nay được thực hiện với quy mô hẹp nhưng đòi hỏi cao về chất lượng, người GV đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục mới phải hội tụ được những năng lực, phẩm chất đặc thù của nghề nghiệp. Vì vậy, việc sàng lọc kĩ từ đầu vào là cần thiết nhằm tuyển chọn được những người phù hợp nhất. Vấn đề này đòi hỏi sự thay đổi từ cơ chế tuyển sinh, tư vấn và định hướng nghề nghiệp ngay từ đầu, chẳng hạn như: đưa ra những tiêu chuẩn cụ thể đối với đầu vào của ngành sư phạm, tăng điểm chuẩn đầu vào ở các trường đại học, kết hợp kết quả thi với một số hình thức tuyển chọn bổ trợ như phỏng vấn, test,...

2.2. Xây dựng chương trình đào tạo GV phù hợp với sự thay đổi của chương trình giáo dục mới. Đào tạo sư phạm ở trường đại học cần phải thực hiện ngay việc thay đổi chương trình mới có thể tạo ra được đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu mới. Cụ thể: Chương trình phải chuyển được từ giáo dục chủ yếu trang bị kiến thức sang mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực cho sinh viên (SV) sư phạm, phải đào tạo cho SV dạy được môn tích hợp thay vì dạy chuyên sâu.

Muốn SV ra trường dạy được chương trình mới, hình thành cho HS năng lực thực hành, tổ chức được cho HS tham gia trải nghiệm, sáng tạo thì chính SV sư phạm phải được học điều đó trong chương trình ở trường đại học. Vì vậy, chương trình đào tạo phải hình thành được ở SV các kĩ thuật dạy học mới, các năng lực hoạt động xã hội, giao tiếp,... để có thể đảm nhận vị trí, vai trò mới - *người cố vấn, tổ chức, định hướng*. Việc dạy chương trình mới không chỉ dạy cho HS nội dung mà còn mà còn dạy cách học cho HS, do đó chương trình đào tạo ở đại học cần chú trọng trang bị cho SV sư phạm: phương pháp học, phương pháp nghiên cứu, phương pháp tư duy, phương pháp áp dụng kiến thức đã học vào công việc cụ thể. Đa dạng hóa hình thức học tập của SV, cùng với dạy học trên lớp là các hoạt động xã hội, hoạt động thực hành, vận

dụng và nghiên cứu khoa học nhằm chuẩn bị cho họ khả năng đáp ứng yêu cầu của trường phổ thông sau khi ra trường. Mặt khác, cần rèn luyện các kỹ năng nghề, kỹ năng sống, đạo đức nghề nghiệp cho SV hình thành ở họ lòng yêu nghề, gắn bó với nghề để họ sẵn sàng nỗ lực cống hiến cho nghề nghiệp trong tương lai.

2.3. Xây dựng “cầu nối” giữa trường đại học và trường phổ thông trong đào tạo sư phạm nhằm giúp tiếp cận quá trình đổi mới một cách cụ thể để trường đại học có thể đi trước đón đầu trong đào tạo, đáp ứng tối đa yêu cầu của việc đổi mới; đồng thời phát hiện và giải quyết những vấn đề bất cập thông qua việc xây dựng chương trình đào tạo phù hợp.

Mặt khác, cầu nối giúp GV và SV hình dung chương trình mới, nắm bản chất, cách thực hiện một cách cụ thể. Là điều kiện tốt để kiểm tra khả năng đáp ứng của SV bằng việc tổ chức cho SV tập dượt thiết kế, tổ chức quá trình giáo dục. Đồng thời tạo điều kiện để họ rèn luyện năng lực, phẩm chất của người GV.

Việc xây dựng cầu nối cần được thực hiện xuyên suốt trong quá trình đào tạo, cần sự phối hợp, thống nhất và trao đổi thường xuyên để những vấn đề trong giáo dục phổ thông được phản ánh vào quá trình đào tạo sư phạm ở trường đại học. Điều này tạo ra sự ăn khớp trong đào tạo nhân lực và sử dụng nhân lực nhằm mang lại hiệu quả cao cho giáo dục nói chung.

2.4. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phù hợp với yêu cầu mới. Chương trình mới trong giáo dục phổ thông đặt ra đòi hỏi mới về cơ sở vật chất nhằm hướng tới phát triển năng lực người học. Điều này cũng có nghĩa là điều kiện về cơ sở vật chất trong đào tạo ở đại học cũng cần thay đổi để SV được học phù hợp với những gì họ sẽ dạy sau khi ra trường. Trong đó quan tâm đến việc tăng cường đầu tư và khai thác hiệu quả của các phương tiện dạy học, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông. Cơ sở vật chất trong đào tạo sư phạm phải đáp ứng được việc hình thành năng lực ở SV thông qua thực hành, vận dụng, sáng tạo,... Tạo điều kiện cho người học được học tập, vận dụng, trải nghiệm qua các nguồn học liệu đa dạng, các điều kiện học tập phong phú trong xã hội,... để họ có thể tổ chức được cho HS phát triển năng lực sau khi ra trường.

Tóm lại, trường đại học phải có những định hướng cơ bản nhằm chuẩn bị cho SV những điều kiện đáp ứng yêu cầu mới của CTGDPT. Đây là vấn đề cần thực hiện ngay, đồng bộ và phối hợp nhiều lực lượng có liên quan để mang lại hiệu quả cao nhất có thể nhằm góp phần khẳng định tính khả thi của CTGDPT mới. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2013). *Dự thảo đề án đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015*.
- [2] Bộ GD-ĐT (2014). *Tài liệu Hội thảo Xây dựng và triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới - những vấn đề đặt ra và giải pháp*.
- [3] Phạm Thị Kim Anh (2015). *Chương trình đào tạo giáo viên ở Việt Nam - một số bất cập và định hướng phát triển*. Tài liệu Hội thảo khoa học Quốc tế: Phát triển chương trình đào tạo giáo viên - Cơ hội và thách thức. Hà Nội.
- [4] Trần Khánh Đức (2010). *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Vũ Quốc Chung (chủ biên) (2012). *Tài liệu hướng dẫn - Tăng cường năng lực sư phạm cho giảng viên các trường đào tạo giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [6] Vũ Quốc Chung (chủ biên) (2012). *Giới thiệu mô hình đào tạo giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp ở một số quốc gia và bài học kinh nghiệm*. NXB Giáo dục Việt Nam.

Một số loại câu hỏi...

(Tiếp theo trang 87)

Nói như nhà giáo dục William Butler Yeats “giáo dục không phải là việc đổ đầy một cái bình”, GV không cần cố gắng truyền đạt thông tin, kiến thức mà hãy tạo cơ hội và tin rằng *trẻ tự tạo ra kiến thức cho mình*. Vì vậy, CH của GV khi cho trẻ LQVTPVH không nhằm mục đích kiểm tra kiến thức mà nhằm tạo cơ hội cho trẻ bộc lộ cảm xúc và giúp GV hiểu trẻ. Đó cũng chính là biểu hiện của việc GV tôn trọng trẻ và “lấy trẻ làm trung tâm” trong mọi hoạt động giáo dục ở trường mầm non. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Lã Thị Bắc Lý - Lê Ánh Tuyết (2009). *Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Nguyễn Ánh Tuyết (2002). *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Giáo dục.
- [3] Jean Piaget (2015). *Sự hình thành biểu tượng ở trẻ em* (Hoàng Hưng dịch). NXB Tri thức.
- [4] Jeanne M. Machado (2005). *Early Childhood Experiences in Language Arts*. Emerging Literacy 5th Edition. Delmar Publishers & An International Thomson Publishing Company I.
- [5] Cyndi Giorgis & Joan I. Glazer (2013). *Literature for young children: supporting emergent literacy ages 0-8*. 7th ed. Pearson Education.